



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH**

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội  
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội  
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>  
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 565/2025/ET. K01-03/070525

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2025

**KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM  
**Địa chỉ** : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình  
**Loại mẫu** : Không khí xung quanh **Số lượng mẫu** : 03  
**Ngày quan trắc** : 07/05/2025 **Ngày hoàn thành thí nghiệm** : 24/05/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 26:2010/BTNMT
				K1	K2	K3	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	61,4	67,5	66,4	70

**Ghi chú:**

- K1: Công ra vào Nhà máy.
- K2: Khu vực bãi để nguyên liệu sản xuất.
- K3: Khu vực trạm điện.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**CÁN BỘ QA/QC**

**Bùi Thị Huệ**



**GIÁM ĐỐC**

*Từ Thị Mùi*

**ENVI TECH**



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ  
VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG ENVITECH

Trụ sở chính: Số 3, ngách 35, ngõ 323 Nguyễn Văn Cừ, P. Ngọc Lâm, Q. Long Biên, TP. Hà Nội  
Phòng thí nghiệm: Số 52TT3, khu ĐTM Văn Phú, P. Phú La, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội  
ĐT: 024 6664 3315/024 6664 3317 Website: <http://envitech.vn>  
Giấy chứng nhận số hiệu: VIMCERTS 164

Số: 566/2025/ET. KT04-05/070525

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2025

## KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

**Đơn vị yêu cầu** : CÔNG TY TNHH ALMINE VIỆT NAM  
**Địa chỉ** : KCN Lương Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình  
**Loại mẫu** : Khí thải **Số lượng mẫu** : 02  
**Ngày quan trắc** : 07/05/2025 **Ngày hoàn thành thí nghiệm** : 24/05/2025

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B	
				KT1	KT2	C	C <sub>max</sub>
1	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	ENVI QTHT KT 06	32,3	3,0	1000	1000
2	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	ENVI QTHT KT 07	0,0	1,7	500	500
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	ENVI QTHT KT 10	0,0	0,0	850	850
4	Bụi (PM)	mg/Nm <sup>3</sup>	US EPA Method 5	KPH (MDL=7)	KPH (MDL=7)	200	200

### Ghi chú:

- KT1: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lọc bụi ở hai cửa lò A và B và máy vắt nghiền xi nhôm – Hệ thống thứ 1 (Unit 1), lưu lượng: 120.000 m<sup>3</sup>/h.
- KT2: Mẫu khí thải tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lọc bụi ở hai đỉnh lò A và B – Hệ thống thứ 2 (Unit 2), lưu lượng: 50.000 m<sup>3</sup>/h.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

### CÁN BỘ QA/QC

  
Bùi Thị Huế



  
GIÁM ĐỐC  
Vũ Thị Mùi